TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/4/2023
V/v: *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài.
Ông Đặng Quang Hoạch.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1167/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bành Nại H, sinh năm: 1972.
- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1983.
Cùng địa chỉ: Ấp T, xã S, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
(anh H, chị L cùng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản làm việc có trong hồ sơ vụ án, anh Bành Nại H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau nên chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/7/2019. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung; hiện anh H và chị L không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2022 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, hôn nhân không hạnh phúc nên anh yêu cầu được ly hôn với chị L.

Về con chung: Có 02 con chung là Bành Cảnh H, sinh ngày: 15/12/2008 và Bành Cảnh N, sinh ngày: 16/10/2012. Khi ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 21/02/2023, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của anh H là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho anh H được ly hôn với chị L. Về con chung: Giao 02 con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Anh H trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Anh H phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Bành Nại H nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1982, địa chỉ: Ấp T, xã S, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ là *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Anh H nộp đơn đúng trình tự thủ tục nên được thụ lý, giải quyết.

Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt; chị L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Anh H và chị L tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được UBND xã S, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 63/KH ngày 15/7/2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H kiên quyết yêu cầu được ly hôn với chị L, hiện không ai quan tâm nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhiều lần triệu tập chị L để làm việc nhưng chị L vắng mặt không có lý do, thể hiện việc chị L không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ. Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa anh H và chị L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H yêu cầu ly hôn với chị L là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2 - Về con chung:

Anh chị có 02 con chung là cháu Bành Cảnh H, sinh ngày: 15/12/2008 và cháu Bành Cảnh N, sinh ngày: 16/10/2012. Ly hôn, anh H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, hiện các cháu đang sinh sống với anh H, đồng thời các cháu cũng có nguyện vọng được ở chung với anh H. Vì lợi ích của con cũng như sự phát triển ổn định về tâm sinh lý cũng như môi trường sống nên Hội đồng xét xử giao cháu Hương và cháu Ngọc cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Do anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, do vậy tạm thời chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3.3 - Về tài sản chung, nợ chung: Anh H trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010); Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bành Nại H về việc *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* với chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bành Nại H được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Bành Cảnh H, sinh ngày: 15/12/2008 và cháu Bành Cảnh N, sinh ngày: 16/10/2012 cho anh Bành Nại H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời chị Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị L được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Anh Bành Nại H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002019 ngày 16/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom.

5. Anh Bành Nại H, chị Nguyễn Thị L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAT, THA,VKS;
- Đương sự;
- UBND xã S.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương